- Các thiết bị không có trong danh mục trên áp dụng với thiết bị tương đương.

- Việc xác định bậc phức tạp sửa chữa R dựa trên một số tiêu chí chủ yếu sau:

• Độ phức tạp trong cấu tạo của máy.

• Chủng loại và độ phức tạp của cơ cấu truyền động.

• Chủng loại và độ phức tạp của cơ cấu điều khiển.

• Kích thước và độ lớn của máy...

- Đối với các thiết bị ngành giầy có phần thủy, khí lực, điện lạnh, mạch điều khiển, điều khiển theo chương trình phức tạp, khi sửa chữa ngoài phần việc được quy định trong cấp bậc công nhân còn có sự tham gia của cán bộ, công nhân kỹ thuật chuyên ngành.

Phụ lục 2: Tiêu chuẩn cấp bậc công nhân sửa chữa điện (của Tổng cục Đào tạo công nhân kỹ thuật).

Phụ lục 3: Tiêu chuẩn cấp bậc công nhân nguội chế tạo (của Tổng cục Đào tạo công nhân kỹ thuật).

Chú ý: Trong thực tế hiện nay, khi đào tạo công nhân sửa chữa thiết bị ngành Giầy nên tuyển những học sinh đã qua các trường đào tạo công nhân nghề nguội chế tạo, điện... để rút ngắn thời gian đào tạo và kết quả đào tạo sẽ có hiệu quả cao hơn.

4. Tài liệu tham khảo:

(1). Một số tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân ngành Giầy cấp cơ sở.

(2). Tiêu chuẩn kỹ thuật công nhân cơ khí của Bộ Cơ khí và luyện kim, Nhà xuất bản và Tổng cục Đào tạo công nhân kỹ thuật, Hà Nội - 1974.

(3). Sổ tay thợ giầy - Nhà xuất bản Công nghiệp nhẹ, Mạc tư khoa 1972.

(4). Giáo trình "Công nghệ cắt, may và gò - ráp đến giầy" - Viện Nghiên cứu Da Giầy - 2002.

(5). Tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân các ngành nghề khác./.

BỘ NỘI VỤ

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 37/2004/QĐ-BNV ngày 19/5/2004 về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) của Hội Luật gia Việt Nam.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 88/2003/NĐ-CP ngày 30/7/2003 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi) của Hội Luật gia Việt Nam đã được Đại hội lần thứ X ngày 13 tháng 3 năm 2004 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Thứ trưởng

Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ Hội Luật gia Việt Nam.

LỜI NÓI ĐẦU

Hội luật gia Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức thống nhất, tự nguyện của các luật gia trong cả nước.

Hội luật gia Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự quản lý của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hội luật gia Việt Nam tham gia các tổ chức luật gia quốc tế có hoạt động phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội.

Chương I

TÔN CHỈ MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Điều 1. Tôn chỉ, mục đích của Hội luật gia Việt Nam

Hội luật gia Việt Nam đoàn kết, tập hợp rộng rãi các luật gia Việt Nam đã hoặc đang làm công tác pháp luật trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức văn hóa, tổ chức giáo dục, đơn vị vũ trang nhân dân, tự nguyện hoạt động vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quyền tự do, dân chủ của nhân dân, góp phần xây dựng nền khoa học pháp lý, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vì mục tiêu dân

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Hội luật gia Việt Nam mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các tổ chức luật gia trên thế giới và các tổ chức khác theo nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước vì mục đích chung là hòa bình, hợp tác và phát triển.

Điều 2. Biểu tượng của Hội luật gia Việt Nam

Biểu tượng Hội luật gia Việt Nam hình tròn có hai đường viền mầu xanh đậm, phía trên là hình tượng cờ đỏ sao vàng năm cánh, dưới đó là dòng chữ Hội luật gia Việt Nam; ở giữa là hình tượng cán cân công lý đặt trên quyển sách mở có dòng số 1955 (năm thành lập Hội luật gia Việt Nam); ở đường vòng cung có hình tượng hai bông lúa vàng.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội luật gia Việt Nam

Hội luật gia Việt Nam có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tập hợp vào Hội những người đã và đang làm công tác pháp luật theo quy định tại Điều 1 của Điều lệ này; xây dựng Hội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và nghề nghiệp;

2. Tham gia xây dựng pháp luật; nghiên cứu khoa học pháp lý; tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật; kiến nghị với cơ quan nhà nước về những vấn đề xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật;

3. Tham gia tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho Hội viên, cán bộ, công chức và nhân dân;

4. Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý miễn phí cho người nghèo và các đối tượng chính sách; thành lập các tổ chức tư vấn pháp luật theo quy định của pháp luật;

5. Tham gia một số hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

6. Phối hợp hoạt động và làm nghĩa vụ thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

7. Tham gia những hoạt động chính trị pháp lý phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội;

8. Phản ánh tâm tư nguyện vọng của giới luật gia Việt Nam với Đảng, Nhà nước; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức pháp lý, đạo đức nghề nghiệp cho Hội viên; động viên tinh thần và quan tâm đến lợi ích của Hội viên, làm cho Hội viên gắn bó với Hội;

9. Xuất bản và phát hành sách, tạp chí, báo pháp luật đáp ứng yêu cầu hoạt động đối nội và đối ngoại của Hội;

10. Tham gia các hoạt động quốc tế phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

11. Vận động luật gia là người Việt Nam định cư ở nước ngoài góp phần xây dựng đất nước.

Chương II

HỘI VIÊN HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Điều 4. Tiêu chuẩn Hội viên

Công dân Việt Nam có phẩm chất đạo đức tốt, đã hoặc đang làm công tác pháp luật trong cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 1 của Điều lệ này với thời gian từ ba năm trở lên, chấp nhận Điều lệ của Hội đều có thể được gia nhập Hội.

Những người có công đóng góp cho Hội có thể được mời làm Hội viên danh dự hoặc Hội viên tán trợ của Hội.

Điều 5. Điều kiện, thủ tục kết nạp Hội viên

Luật gia có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Điều lệ này muốn gia nhập Hội phải làm đơn xin gia nhập Hội gửi Chi hội luật gia cơ sở, kèm theo sơ yếu lý lịch. Chi hội luật gia cơ sở xem xét, đề nghị Ban Thường vụ hội luật gia cấp trên trực tiếp quyết định (đối với cấp huyện thì do Ban Chấp hành quyết định).

Hội viên được công nhận từ ngày ký quyết định kết nạp.

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội viên

Hội viên có những nhiệm vụ sau đây:

1. Chấp hành pháp luật của Nhà nước, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Hội;

2. Thực hiện các công việc được Hội giao;

3. Tham gia xây dựng pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật;

4. Sinh hoạt tại một Chi hội luật gia và đóng Hội phí theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

5. Giữ gìn uy tín của Hội, chỉ lấy danh nghĩa Hội viên và dùng thẻ Hội viên khi hoạt động cho Hội.

Điều 7. Quyền của Hội viên

1. Hội viên có những quyền sau đây:

a) Được cấp thẻ Hội viên; ứng cử hoặc đề cử, bầu cử người vào cơ quan lãnh đạo của Hội;

b) Thảo luận và biểu quyết các vấn đề của Hội trong các Hội nghị của Hội;

c) Tham gia các hoạt động của Hội;

d) Giám sát các hoạt động, đề xuất ý kiến về cải tiến, phát triển, mở rộng hoạt động của Hội;

đ) Được cung cấp những thông tin về pháp luật, được bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật và nghề nghiệp;

e) Yêu cầu các cấp Hội bảo vệ lợi ích

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

hợp pháp của tập thể, cá nhân hội viên bị xâm phạm;

f) Được chuyển nơi sinh hoạt do chuyển đổi nơi làm việc hoặc nơi cư trú.

2. Hội viên danh dự, hội viên tán trợ không tham gia ứng cử, đề cử, bầu cử người vào cơ quan lãnh đạo Hội và biểu quyết các vấn đề của Hội, nhưng có các quyền khác quy định tại khoản 1 của Điều này.

3. Hội viên muốn ra khỏi Hội thì gửi đơn cho Ban Chấp hành nơi hội viên sinh hoạt xem xét, quyết định.

Chương III
TỔ CHỨC CỦA HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Điều 8. Tổ chức của Hội luật gia

Hội luật gia Việt Nam được tổ chức từ Trung ương đến cơ sở bao gồm:

- Trung ương Hội;

- Tỉnh hội, Thành hội trực thuộc Trung ương Hội (sau đây gọi chung là Hội luật gia cấp tỉnh);

- Quận hội, Huyện hội, Thành hội, Thị hội (sau đây gọi chung là Hội luật gia cấp huyện) trực thuộc Hội luật gia cấp tỉnh;

- Chi hội luật gia cơ sở.

- Việc thành lập các Hội ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương đó ra quyết định thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cơ quan lãnh đạo của Hội luật gia

Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội luật gia Việt Nam là Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc.

Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp Hội địa phương là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên.

Đại hội cấp nào do Ban Chấp hành cấp đó triệu tập.

Đại hội được tiến hành khi có hai phần ba số đại biểu chính thức có mặt.

Giữa hai kỳ Đại hội, cơ quan lãnh đạo của Hội là Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra.

Đại hội có thể họp bất thường khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành yêu cầu.

Điều 10. Bầu cử, công nhận Ban Chấp hành Hội luật gia

Việc bầu cử Ủy viên Ban Chấp hành ở các cấp Hội được tiến hành theo nguyên tắc bỏ phiếu kín.

Ban Chấp hành cấp dưới phải được Ban Thường vụ hoặc Ban Chấp hành cấp trên trực tiếp công nhận.

Ban Chấp hành các cấp được quyền bầu bổ sung số Ủy viên Ban Chấp hành.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương IV

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA HỘI Ở CẤP TRUNG ƯƠNG

Điều 11. Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc

Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc do Ban Chấp hành Trung ương Hội triệu tập năm năm một lần.

Điều 12. Nhiệm vụ của Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc

1. Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc có những nhiệm vụ sau đây:

a) Thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội về kết quả thực hiện nghị quyết nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng hoạt động của Hội nhiệm kỳ tiếp theo;

b) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi và thông qua Điều lệ của Hội;

c) Bầu các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội với số lượng Ủy viên do Đại hội quyết định.

2. Nghị quyết của Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc phải được quá nửa tổng số đại biểu có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương Hội

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định những chủ trương và biện pháp nhằm thực hiện các Nghị quyết của Đại hội; quyết định chương trình hoạt động năm của Hội;

b) Quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội; bầu, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; bãi nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội;

c) Quyết định việc triệu tập Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc;

d) Quy định nguyên tắc, chế độ quản lý, sử dụng nguồn tài chính của Hội; quyết định mức Hội phí.

2. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp thường kỳ một năm ít nhất một lần theo triệu tập của Ban Thường vụ Trung ương Hội. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành tham gia. Ban Chấp hành Trung ương có thể họp bất thường khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Ban Thường vụ Trung ương Hội hoặc một phần ba số Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội yêu cầu.

3. Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội phải được quá nửa số Ủy viên có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Thường vụ Trung ương Hội

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

1. Ban Thường vụ Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội bầu để điều hành công việc của Hội giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương.

2. Ban Thường vụ cử Ban Thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký để điều hành hoạt động thường xuyên của Hội.

3. Ban Thường vụ họp ba tháng một lần, khi cần thiết có thể họp bất thường. Ban Thường vụ họp hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba số Ủy viên Ban Thường vụ tham gia. Quyết định của Ban Thường vụ phải được quá nửa số Ủy viên có mặt tại cuộc họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Trung ương Hội

Ban Thường vụ Trung ương Hội có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Hội, các tổ chức trực thuộc Trung ương Hội về việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc, các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Trung ương Hội;

2. Phân công Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách từng lĩnh vực hoạt động của Hội, cử Phó Tổng thư ký; thành lập, giải thể các cơ quan của Trung ương Hội gồm Văn phòng, Ban tổ chức, Ban quan hệ quốc tế, Ban nghiên cứu pháp luật, Ban tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban kiểm tra; thành lập các Ban, các bộ phận chuyên môn khác khi xét thấy cần thiết;

3. Quy định chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng, các Ban, các bộ phận chuyên môn;

4. Xem xét và quyết định kết nạp Hội viên của các Chi hội trực thuộc Trung ương Hội;

5. Quyết định công nhận Hội luật gia tỉnh mới thành lập, Ban Chấp hành của Hội luật gia tỉnh và Ban Chấp hành các Chi hội trực thuộc;

6. Quyết định công nhận, giải thể Chi hội luật gia trực thuộc Trung ương Hội;

7. Quyết định và chỉ đạo công tác xuất bản sách, tạp chí, báo và các ấn phẩm khác của Hội;

8. Giám sát việc thực hiện quy chế của các tổ chức do Trung ương Hội thành lập;

9. Xét và quyết định khen thưởng, kỷ luật.

Điều 16. Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội:

1. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội luật gia Việt Nam chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của Hội. Những chức danh nêu trên làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc bán chuyên trách.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

2. Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật;

b) Chủ tài khoản, quản lý tài chính và tài sản của Hội;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội, của Hội nghị toàn thể và các nghị quyết của Ban Chấp hành;

d) Triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Chấp hành Hội;

đ) Ký quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm nhân sự trực thuộc Hội khi có nghị quyết của Ban Chấp hành hoặc của Ban Thường vụ;

e) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và toàn thể Hội viên về các hoạt động của Hội;

f) Quyết định thành lập các tổ chức trực thuộc của Hội theo đề nghị của Tổng Thư ký.

3. Các Phó Chủ tịch Hội là người giúp cho Chủ tịch trong công tác quản lý và điều hành một số hoạt động của Hội; được Chủ tịch ủy nhiệm và phân công trực tiếp phụ trách và điều hành một số công việc của Hội; được ủy quyền điều hành công việc của Ban Chấp hành khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Tổng Thư ký Hội:

Tổng Thư ký do Ban Chấp hành bầu ra, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Đại diện cho Hội trong quan hệ giao dịch hàng ngày,

- Tổ chức, điều hành các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội,

- Quản lý hồ sơ, tài liệu giao dịch của Hội,

- Xây dựng các quy chế hoạt động của Văn phòng, quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành phê duyệt,

- Định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành về các hoạt động của Hội,

- Lập các báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành,

- Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về các Hội viên và các tổ chức trực thuộc,

- Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành và trước pháp luật về các hoạt động của Văn phòng Hội.

Để giúp Tổng thư ký thực hiện một số công việc nêu trên, có Phó Tổng thư ký.

Điều 18. Các tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội:

Hội có thể thành lập pháp nhân hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, dịch vụ, tư vấn... Việc thành lập các đơn vị này đều phải tuân thủ quy định của pháp luật.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Chương V

CƠ QUAN LÃNH ĐẠO CỦA CÁC CẤP HỘI LUẬT GIA ĐỊA PHƯƠNG VÀ CÁC CHI HỘI LUẬT GIA CƠ SỞ

Điều 19. Cơ quan lãnh đạo của Hội luật gia cấp tỉnh, cấp huyện

Đại hội đại biểu của Hội luật gia cấp tỉnh, Đại hội toàn thể Hội viên hoặc Đại hội đại biểu của Hội luật gia cấp huyện là cơ quan lãnh đạo Hội ở địa phương, do Ban Chấp hành của Hội cùng cấp triệu tập năm năm một lần.

Điều 20. Nhiệm vụ của Đại hội Hội luật gia cấp tỉnh, cấp huyện

Đại hội của Hội luật gia cấp tỉnh, cấp huyện có những nhiệm vụ sau đây:

1. Thảo luận văn kiện của Ban Chấp hành trên;

2. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ qua; quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tiếp theo;

3. Bầu các Ủy viên Ban Chấp hành với số lượng Ủy viên do Đại hội quyết định;

4. Bầu đại biểu đi dự Đại hội trên (nếu có).

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh

1. Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Hội luật gia cấp tỉnh; bầu, bãi nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ; đề nghị bãi nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh;

b) Thành lập các ban chuyên môn của Hội luật gia cấp tỉnh (mỗi ban do một ủy viên Ban Thường vụ phụ trách);

c) Xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội và Ban Thường vụ Trung ương Hội, Nghị quyết của Đại hội đại biểu của Hội luật gia cấp tỉnh;

d) Giải thể Chi hội luật gia cơ sở trực thuộc và các Ban chuyên môn của Hội luật gia cấp tỉnh.

2. Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh họp ba tháng một lần và có thể họp bất thường.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ Hội luật gia cấp tỉnh.

1. Ban Thường vụ Hội luật gia cấp tỉnh có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cử Ban Thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên thư ký để điều hành hoạt động thường xuyên của Hội luật gia cấp tỉnh;

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

b) Xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động hàng tháng, ba tháng của Hội luật gia cấp tỉnh; phân công các ủy viên Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh; hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Hội luật gia cấp tỉnh;

c) Quyết định công nhận việc thành lập tổ chức và kết nạp hội viên thuộc mình trực tiếp quản lý;

d) Khen thưởng, đề nghị khen thưởng tổ chức, hội viên luật gia của địa phương có thành tích xuất sắc;

đ) Quyết định giải thể Chi hội luật gia trực thuộc Hội luật gia cấp tỉnh; xử lý kỷ luật đối với Chi hội luật gia trực thuộc hoặc hội viên Chi hội luật gia trực thuộc vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội;

e) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của Hội theo định kỳ (ba tháng, sáu tháng, một năm) lên Trung ương Hội và các cơ quan, tổ chức có quan hệ ở địa phương;

2. Ban Thường vụ Hội luật gia cấp tỉnh họp ba tháng một lần và có thể họp bất thường.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Hội luật gia cấp huyện

1. Ban Chấp hành Hội luật gia cấp huyện có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực để điều hành hoạt động thường xuyên giữa các kỳ họp của Ban Chấp hành Hội luật gia cấp huyện; bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành; xem xét, đề nghị bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Chấp hành Hội luật gia cấp huyện;

b) Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu cấp trên, Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành Hội cấp trên; thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu mình;

c) Hướng dẫn, kiểm tra sự hoạt động của các Chi hội luật gia trực thuộc;

d) Khen thưởng và đề nghị Hội trên khen thưởng tổ chức, Hội viên luật gia trong địa phương có thành tích;

đ) Quyết định công nhận Chi hội luật gia trực thuộc; xử lý kỷ luật đối với Chi hội luật gia trực thuộc hoặc hội viên Chi hội luật gia trực thuộc vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội;

e) Báo cáo thường xuyên tình hình tổ chức và hoạt động của Hội ở địa phương lên Hội luật gia cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan;

2. Ban Chấp hành Hội luật gia cấp huyện họp thường lệ ba tháng một lần và có thể họp bất thường.

Điều 24. Cơ quan lãnh đạo của Chi hội luật gia cơ sở

1. Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu Chi hội luật gia cơ sở là cơ

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

quan lãnh đạo của Chi hội. Đại hội do Ban Chấp hành Chi hội triệu tập năm năm hai lần.

2. Đại hội có nhiệm vụ đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết nhiệm kỳ qua, quyết định nhiệm vụ nhiệm kỳ tiếp theo, bầu Ban Chấp hành Chi hội. Số ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định tùy theo số lượng hội viên. Chi hội có từ hai mươi Hội viên trở lên có thể bầu từ năm đến chín ủy viên. Ban Chấp hành bầu Chi hội trưởng, hai Chi hội phó. Chi hội có từ dưới hai mươi hội viên trở xuống bầu Chi hội trưởng và một Chi hội phó.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chấp hành Chi hội luật gia cơ sở:

1. Ban Chấp hành Chi hội luật gia cơ sở có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Lãnh đạo hội viên thực hiện Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành Hội cấp trên, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền của hội viên theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Điều lệ này;

b) Làm thủ tục đề nghị kết nạp hội viên theo quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;

c) Quan tâm đến lợi ích chính đáng của hội viên, thăm hỏi, giúp đỡ hội viên;

d) Khen thưởng, đề nghị khen thưởng hội viên có thành tích; đề nghị xử lý kỷ luật đối với hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội; xem xét, quyết định đối với đề nghị của hội viên xin ra khỏi Hội;

e) Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động hàng tháng lên Ban Chấp hành Hội cấp trên trực tiếp;

2. Ban Chấp hành Chi hội luật gia cơ sở họp hai tháng một lần và có thể họp bất thường.

Chương VI

TÀI CHÍNH CỦA HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM

Điều 26. Tài chính

1. Nguồn thu tài chính của Hội gồm có:

a) Hội phí;

b) Hỗ trợ của Nhà nước;

c) Các khoản thu do hoạt động của Hội mang lại;

d) Các khoản tặng, tài trợ của cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước.

2. Các khoản chi của Hội:

Các khoản chi của Hội phải bảo đảm nguyên tắc: đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định tài chính; gồm có:

a) Chi cho hoạt động của Văn phòng, Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra, Hội nghị,

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Đại hội, tiền thuê trụ sở, mua sắm trang thiết bị.

b) Chi hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, xuất bản.

c) Chi xây dựng, trang bị sửa chữa cơ sở vật chất, thiết bị làm việc.

d) Chi lương, chi khen thưởng thi đua.

đ) Chi hoạt động quan hệ quốc tế.

e) Các khoản chi khác.

3. Tài sản của Hội gồm nhà, phương tiện làm việc và các tài sản khác của Hội.

Điều 27. Trụ sở, con dấu, tài khoản của Hội

Các tổ chức của Hội luật gia Việt Nam từ Trung ương đến huyện có trụ sở, có con dấu, tài khoản riêng. Chi hội luật gia cơ sở có trụ sở làm việc khi có điều kiện.

Trụ sở của Trung ương Hội luật gia Việt Nam đặt tại Thủ đô Hà Nội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

Hội viên, cán bộ và các tổ chức Hội có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng và đề nghị các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khen thưởng.

Điều 29. Kỷ luật

Hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ Hội làm ảnh hưởng đến uy tín của Hội thì tùy mức độ sai phạm sẽ bị thi hành một trong các hình thức kỷ luật sau đây: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội.

Việc thi hành kỷ luật đối với ủy viên Ban Chấp hành cấp nào do Ban Chấp hành Hội cấp đó xem xét và đề nghị Ban Thường vụ Hội luật gia cấp trên trực tiếp quyết định (đối với cấp huyện thì do Ban Chấp hành quyết định).

Việc thi hành kỷ luật đối với ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội do Ban Chấp hành Trung ương Hội xem xét và quyết định.

Chương VIII

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 30. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này có VIII chương, 30 điều. Chỉ có Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc của Hội luật gia Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được ít nhất hai phần ba số đại biểu tham dự Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc biểu quyết tán thành.

Bản Điều lệ này đã được Đại hội đại biểu luật gia toàn quốc lần thứ X thông qua tại Hà Nội ngày 13 tháng 3 năm 2004.

Bản Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày Bộ Nội vụ phê duyệt và được phép lưu hành theo quy định của pháp luật./.

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel: +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn